TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI ------***------ Bản án số: 162/2020/HC-PT Ngày: 09/7/2020. *V/v: Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------o0o---------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc "Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2019/HC-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4700/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 37 P, tổ dân phố C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 5, ngõ 63/57 L, M, quận N, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Xuân T: Luật sư Hoàng Văn T1 - Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Trụ sở: Tòa nhà CT6A, khu đô thị K, đường K, quận B, thành phố Hà Nội.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tòa nhà CT6A, khu đô thị K, đường K, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Nắng M - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 1327/QĐ-UBND ngày 22/3/2019); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội: Ông Cao Ngọc H - Công chức Phòng Tài nguyên & Môi trường quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường X, quận B, thành phố Hà Nội; trụ sở: Số 418 đường X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung T2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị M1 (là vợ của ông T), sinh năm 1951; địa chỉ: Số 37 P, tổ dân phố C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 5, ngõ 63/57 L, M, quận N, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Anh Trần Xuân D, sinh năm 1978;

- Chị Lưu Thị Kim T3, sinh năm 1984;

- Cháu Trần Lưu Tâm A, sinh năm 2016;

- Cháu Trần Tâm H1, sinh năm 2018.

Người đại diện hợp pháp của cháu A và cháu H1: Chị Lư Thị Kim T3 và anh Trần Xuân D;

- Anh Trần Xuân T4, sinh năm 1982;

- Chị Trần Thị H2, sinh năm 1987;

- Cháu Trần Minh A1, sinh năm 2014;

Người đại diện hợp pháp của cháu Minh A1: Anh Trần Xuân T4 và chị Trần Thị H2.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D, chị T3, anh T4, chị H2: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1945; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/3/2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Trần Xuân T trình bày: Diện tích 31,9m^2 đất gia đình ông sử dụng tại số 37 P, Tổ dân phố C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội có nguồn gốc năm 1991 Ủy ban nhân dân xã X ký hợp đồng cho ông Vũ Ngọc Đ thuê đất với diện tích 60m^2 đất (diện tích thực tế sử dụng là 61,5m^2). Sau khi được thuê đất, gia đình ông Đ đã xây dựng nhà cấp 4 diện tích 21m^2, do xây dựng không phép nên đã bị Đội Thanh tra xây dựng nhà đất huyện T lập biên bản và bị xử phạt hành chính. Tháng 3 năm 1991, gia đình ông nhận chuyển nhượng của gia đình ông Đ diện tích 31,9m^2 có căn nhà xây dựng cấp 4 nêu trên, có làm giấy viết tay. Năm 2000, ông xây dựng nhà 03 tầng trên diện tích đất nhận chuyển nhượng (31,9m^2). Mặc dù, diện tích đất này được Ủy ban nhân dân xã X cho thuê và đã hết hạn hợp đồng thuê đất, nhưng gia đình ông không phải ký thêm hợp đồng thuê nào khác với Ủy ban nhân dân xã mà vẫn tiếp tục sử dụng vào mục đích đất ở đến nay.

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội tại Thông báo số 124-TB/TU ngày 04/5/2016 và Văn bản số 2689/UBND-ĐT ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định, pháp luật về đất đai và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân quận B đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận và tổ công tác dự án, đồng thời giao và chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án theo chỉ đạo của thành phố.

Trong số người sử dụng đất có đất thu hồi tại dự án có gia đình ông đang sử dụng diện tích 31,9m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 42, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X, huyện T (nay là phường X, quận B).

Ngày 27/7/2018, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3649/QĐ - UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông để thực hiện Dự án mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai dịch - cầu Thăng Long) tại phường X, quận B.

Ngày 27/7/2018, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3707/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông.

Gia đình ông đã sử dụng ổn định diện tích đất trên vào mục đích đất ở từ năm 1991 đến nay, không phải là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã X quản lý nên khi thu hồi đất phải xác định loại đất trên cơ sở hiện trạng sử dụng

đất, nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất. Từ trước đến nay, gia đình ông sử dụng toàn bộ diện tích 31,9m^2 đất vào mục đích đất ở, không sử dụng đất với nhiều mục đích vừa ở, vừa kinh doanh với nhiều giai đoạn khác nhau. Hai quyết định nêu trên đã đánh giá sai nguồn gốc đất dẫn đến không bồi thường hỗ trợ về đất ở, công trình xây dựng trên đất, hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định của pháp luật. Phương án bồi thường tự ý tách "sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất kinh doanh từ trước ngày 15/10/1993 và kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 là 30,0m^2" và "sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất kinh doanh và kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 là 1,9m^2" là không đúng với thực tế sử dụng đất của gia đình ông. Đồng thời, khi tiến hành bồi thường chỉ thực hiện bồi thường, hỗ trợ 10% về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi cho gia đình ông và không thực hiện tái định cư cho gia đình ông trong khi ông là Thương binh mất sức, gia đình ông chỉ có diện tích đất bị thu hồi là chỗ ở duy nhất là trái quy định pháp luật. Gia đình ông đã xây dựng nhà ở 03 tầng trên đất nên phải được bồi thường hỗ trợ 100% toàn bộ nhà và tài sản trên đất cho gia đình theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 27/02/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đối với diện tích 31,9m^2 đất của gia đình ông.

Ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất và Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông; buộc Ủy ban nhân dân quận B phải xác định diện đất của gia đình ông là đất ở và căn cứ quá trình quản lý, sử dụng để ban hành lại Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất ở và hỗ trợ 100% công trình xây dựng trên đất cùng các chính sách hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống để đảm bảo quyền và lợi ích của gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) và các quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân quận B đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận, thành lập tổ công tác dự án, giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong đó có diện tích 31,9m^2 do ông Trần Xuân T đang quản lý, sử dụng bị thu hồi.

- Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại Ủy ban nhân dân phường X thì diện tích đất bị thu hồi ở thửa đất số 3, tờ bản đồ số 42, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã

X, có một phần diện tích đất do ông T đang sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã X quản lý. Thửa đất này được hình thành và được sử dụng làm các bãi tập kết vật tư, vật liệu xây dựng hoặc dựng lều lán làm chỗ ở của người lao động khi thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Thăng Long (nay là đường Phạm Văn Đồng) và cầu Thăng Long. Khoảng trước năm 1993, Ủy ban nhân dân xã X và Hợp tác xã nông nghiệp X ký hợp đồng cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất hoặc chấp thuận cho phép tiếp tục sử dụng diện tích đất thuê trên cơ sở đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất thuê của các hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh và khi Nhà nước sử dụng đến thì phải thu dọn toàn bộ tài sản và trả lại mặt bằng.

Việc Ủy ban nhân dân xã X cho thuê đất đã được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kết luận tại Bản kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 là vi phạm Luật Đất đai năm 1987 và yêu cầu phá dỡ công trình xây dựng, bàn giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân xã X quản lý. Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011, Kết luận số 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết tố cáo của công dân đã nêu rõ phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã X và Hợp tác xã nông nghiệp X cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đang sử dụng là đất do Ủy ban nhân dân phường quản lý và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường X phải thực hiện nghiêm bản kháng nghị trên.

Tuy nhiên, tại các thời điểm nêu trên, Uỷ ban nhân dân xã X trước đây và Uỷ ban nhân dân phường X hiện nay đã không xử lý dứt điểm theo đúng kết luận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên các hộ gia đình, cá nhân vẫn tiếp tục sử dụng.

Căn cứ giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và hồ sơ quản lý đất đai lưu tại Uỷ ban nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường X đã xác nhận trong tổng diện tích 31,9m^2 đất thu hồi tại dự án có 30,0m^2 đất thể hiện trên Biên bản kiểm tra về việc sử dụng đất và xây dựng sửa chữa công trình ngày 28/12/1992; người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ năm 1992 và sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh, kết hợp để ở từ sau ngày 1/7/2004 đến nay 1,9m^2 đất không thể hiện trên Biên bản kiểm tra về việc sử dụng đất và xây dựng sửa chữa công trình ngày 28/12/1992; người sử dụng đất đã tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh, kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 đến nay.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường X đối với ông T và căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định thu hồi 31,9m^2 đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã X (nay là phường 4 X) quản lý.

Ủy ban nhân dân phường X đã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định thu hồi đất đối với ông Trần Xuân T là phù hợp với quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Nội dung hợp đồng cho thuê đất hoặc đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất thuê của các hộ gia đình, cá nhân đã thể hiện rõ diện tích đất thuê được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh và cam kết khi Nhà nước sử dụng đến thì phải thu dọn toàn bộ tài sản và trả lại mặt bằng. Theo nội dung nêu trên và kết luận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như theo quy định, pháp luật hiện hành về chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì toàn bộ diện tích đất do các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng sẽ không được bồi thường, hỗ trợ đất. Buộc các hộ gia đình, cá nhân phải thu dọn toàn bộ tài sản và bàn giao diện tích đất đang sử dụng cho Nhà nước vô điều kiện. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của người đang sử dụng đất, Ủy ban nhân dân quận B đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chính sách hỗ trợ đất cho các trường hợp đang sử dụng đất có nguồn gốc nêu trên. Ngày 22/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận chính sách hỗ trợ đất tại mục 1 phần II Thông báo số 304/TB-UBND trên cơ sở đề xuất tại mục 4 phần III Tờ trình số 4773/TTrLN-STC ngày 09/8/2016 của Liên ngành (Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ban chỉ đạo GPMB Thành phố, Ủy ban nhân dân quận C và Ủy ban nhân dân quận B). Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân phường X đối với ông T, căn cứ quy định pháp luật hiện hành và các chính sách đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất do ông T có hộ khẩu thường trú tại phường X, quận B sử dụng để thực hiện dự án mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) trên địa bàn quận B tại Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ đất: Phương án hỗ trợ đất đối với ông T đã được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 là đúng với chính sách đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận tại mục 1 phần II Thông báo số 304/TB-UBND ngày 22/8/2016.

+ Hỗ trợ công trình xây dựng trên đất: Phương án hỗ trợ công trình xây dựng trên đất đối với ông T đã được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt tại Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

+ Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Theo Giấy xác nhận ngày 24/10/2016 của Công an phường X đối với ông T cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất có 01 hộ với 07 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống. Ủy ban nhân dân quận B đã phê duyệt các khoản bồi thường, hỗ trợ khác như sau: Bồi thường chi phí di chuyển

tài sản trong phạm vi thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội; Hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội.

+ Về tái định cư: Để đảm bảo tiến độ thu hồi đất thực hiện dự án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa bao gồm phương án bán căn hộ tái định cư (do phải tiến hành các thủ tục xác minh các nội dung liên quan như: Xác minh người chủ sử dụng đất có hay không có chỗ ở nào khác trên địa bàn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú). Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở, diện tích đất thu hồi được hỗ trợ về đất theo giá đất ở theo chính sách đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận tại Thông báo số 304/TB-UBND ngày 22/08/2016, nếu không có chỗ ở nào khác trên địa bàn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và có nhu cầu mua nhà tái định cư thì được xem xét bán nhà tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận tại khoản 4 mục II Thông báo số 406/TB- VP ngày 28/12/2018.

Ủy ban nhân dân quận B khẳng định việc ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông T là đúng quy định.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Ngay sau khi Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông T, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường X, UBMTTQ phường X và Tổ công tác dự án để thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng ông T không nhận tiền và không chấp hành bàn giao diện tích, đất đã thu hồi cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B để thực hiện dự án. Ngày 25/10/2018, Ủy ban nhân dân phường X, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B và Tổ công tác dự án đã tổ chức và lập biên bản tuyên truyền, vận động, thuyết phục đối với ông T về nhận tiền bồi thường; hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Biên bản thể hiện: Ông T đã được vận động, thuyết phục nhưng không đồng ý bàn giao diện tích đất đã thu hồi cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B để thực hiện dự án. Ngày 18/02/2019, Ủy ban nhân dân phường X đã có Báo cáo số 58/BC-UBND gửi Ủy ban nhân dân quận B về việc báo cáo kết quả vận động, thuyết phục các hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao diện tích đất đã thu hồi. Ngày 21/02/2019, Ban Quản

lý dự án đầu tư xây dựng quận B đã có Văn bản số 97/QLDA gửi Ủy ban nhân dân quận B về việc đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với ông T.

Ngày 27/02/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông T do không chấp hành Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 về việc thu hồi đất và Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân quận B.

Như vậy, Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 4 Điều 31 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T, giữ nguyên các Quyết định hành chính trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường X: Thống nhất quan điểm với Ủy ban nhân dân quận B. Diện tích do ông T đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X): Năm 1960 không thể hiện thông tin thửa đất. Năm 1975 không thể hiện thông tin (năm 1975 phường không lưu giữ bản đồ địa chính). Năm 1987 thuộc thửa số 54, tờ số 7 diện tích 2602m^2. Sổ mục kê thể hiện "Ruộng tứ thửa". Năm 1994 thuộc thửa đất số 3, tờ số 42, diện tích 2.780m^2, sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng: Mương TT, diện tích 168m^2. (Sổ mục kê thể hiện diện tích là 168m^2 là không chính xác thông tin thửa đất số 3 tờ bản đồ số 42).

Ủy ban nhân dân phường xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng việc Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông T là phù hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; về chính sách bồi thường, hỗ trợ được xác định đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Trần Xuân T làm đại điện ủy quyền (gồm: Bà Trần Thị M1, anh Trần Xuân D, chị Lưu Thị Kim T3, cháu Trần Lưu Tâm A, cháu Trần Tâm H1, anh Trần Xuân T4, chị Trần Thị H2, cháu Trần Minh A1): Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2019/HC-ST ngày 02/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T về yêu cầu hủy các quyết định:

+ Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) tại phường X, quận B, Hà Nội;

+ Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2019, ông Trần Xuân T có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện xác định diện tích đất của ông là đất ở để được bồi thường, hỗ trợ 100% diện tích đất bị thu hồi là đất ở và các công trình xây dựng trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Xuân T, bà Trần Thị M1 và Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông T trình bày: Mặc dù diện tích đất gia đình ông T sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ diện tích đất ông Đ ký hợp đồng thuê của Ủy ban nhân dân xã X. Tuy nhiên, gia đình ông T đã sử dụng vào mục đích đất ở ổn định từ năm 1991 đến nay nên phải được công nhận là đất ở và không phải nộp tiền sử dụng đất. Khi bị thu hồi phải được bồi thường 100% giá trị đất ở và phải được bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 88, Điều 89 Luật Đất đai năm 2003. Ủy ban nhân dân quận B áp dụng mức bồi thường 10% giá trị công trình xây dựng trên đất là không phù hợp. Về chính sách hỗ trợ và tái định cư cũng không đảm bảo, chỉ hỗ trợ 7 nhân khẩu trong khi gia đình có 9 nhân khẩu và không có phương án tái định cư trong khi gia đình ông bị thu hồi hết toàn bộ diện tích đất và chỉ xem xét nếu có nhu cầu sau khi tiến hành xác minh về chỗ ở của người có đất bị thu hồi là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân quận B và quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; buộc Ủy ban nhân dân quận B ban hành lại các quyết định để thực hiện đền bù, hỗ trợ cho ông T theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự tuân thủ, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện có thái độ và xử sự không đúng chuẩn mực tại phiên tòa. Về nội dung: Do ông Đ chuyển nhượng 31,9m^2 đất thuê cho ông T là trái pháp luật nên việc quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên của ông T là không hợp pháp. Năm 1994, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã kháng nghị yêu cầu thu hồi lại đất cho thuê trái phép đã thể hiện việc ông T sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp là không phù hợp. Đây là trường hợp đất cho thuê thuộc trường hợp bị trả lại, khác với trường hợp sử dụng đất ổn định.

Thời điểm đó Ủy ban nhân dân xã X cho thuê đất kết hợp với kinh doanh nên Ủy ban nhân dân phường X và Ủy ban nhân dân quận B xác định theo hiện trạng sử dụng là đúng. Đối với các hỗ trợ phát sinh thấy trường hợp sử dụng đất trái phép không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ nên Ủy ban nhân dân quận B quyết định xem xét, hỗ trợ là phù hợp. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi của Ủy ban nhân dân quận B cũng trình bày khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân quận B sẽ xem xét điều chỉnh phương án phê duyệt tái định cư nếu gia đình ông T có nhu cầu mua nhà ở tái định cư thì sẽ được xem xét theo quy định của pháp luật và các văn bản đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Nếu ông T không đồng ý với quyết định đó thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; Luật sư; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và Ủy ban nhân dân phường X không có kháng cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Trần Xuân T và bà M1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông T đề nghị hoãn phiên tòa và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân phường X phải có mặt tham gia phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử thảo luận thấy vụ án này đã được mở phiên tòa lần thứ 2, các đương sự vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử.

[1.1]. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường Vành Đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) tại phường X, quận B đối với 31,9m^2 đất ông Trần Xuân T sử dụng (BL68); Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường Vành Đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) tại phường X, quận B đối với hộ ông Trần Xuân T (BL17); Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trần Xuân T (BL98) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 23/8/2018, ông Trần Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất; Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và ngày 04/3/2019 ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trần Xuân T là vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Toà án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.4]. Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 07/5/2019, ông Trần Xuân T có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trần Xuân T đề nghị sửa bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất; Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trần Xuân T được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 .

[2.2] Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch-cầu Thăng Long, Ủy ban nhân dân quận B đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Tổ công tác dự án cùng với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trong đó, thu hồi diện tích 31,9m^2 đất thuộc một phần thửa số 3, Tờ bản đồ số 42 Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X gia đình

ông Trần Xuân T đang sử dụng. Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Thông báo thu hồi đất (BL143), tiến hành kiểm đếm đất và tài sản trên đất bị thu hồi (BL163, 144); niêm yết công khai các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ (BL186,187); lập phương án bồi thường chi tiết đối với từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi (BL16) và lấy ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi về dự thảo phương án bồi thường (BL190, 198), xác nhận nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất, số nhân khẩu đang sinh sống trực tiếp tại diện tích đất bị thu hồi (BL235, 259), tiến hành thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ (BL218) và tổ chức đối thoại với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi (BL195).

[2.2.2] Căn cứ các tài liệu do chủ sử dụng đất cung cấp, văn bản xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân phường X đối với hộ ông Trần Xuân T có cơ sở xác định: Diện tích 31,9m^2 đất hộ gia đình ông Trần Xuân T đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 42 Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã X (nay là phường X) có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã X quản lý. Thửa đất này được hình thành và sử dụng làm các bãi tập kết vật liệu xây dựng hoặc dựng lều lán làm chỗ ở của người lao động khi thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Thăng Long và cầu Thăng Long. Khoảng trước năm 1993, Ủy ban nhân dân xã X và Hợp tác xã nông nghiệp X ký hợp đồng cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất hoặc chấp thuận cho phép tiếp tục sử dụng diện tích đất thuê trên cơ sở đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất thuê của các hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh và khi Nhà nước sử dụng đến thì phải thu dọn toàn bộ tài sản và trả lại mặt bằng.

[2.2.3] Việc Ủy ban nhân dân xã X cho thuê đất đã được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kết luận tại Bản kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 là vi phạm Luật Đất đai năm 1987 và yêu cầu phá dỡ công trình xây dựng, bàn giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân xã X quản lý. Tại các Thông báo số 246/TB-UBND ngày 31/8/2011 và Kết luận số 09/KL-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Kết luận số 386/KL-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết tố cáo của công dân đã nêu rõ phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã X và Hợp tác xã nông nghiệp X cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đang sử dụng là đất do Ủy ban nhân dân phường X quản lý và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường X phải thực hiện nghiêm Bản kháng nghị số 603/KSTTPL ngày 20/8/1994 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, tại các thời điểm nêu trên, Ủy ban nhân dân xã X trước đây và Ủy ban nhân dân phường X hiện nay đã không xử lý dứt diểm theo đúng kết luận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên các hộ gia đình, cá nhân vẫn tiếp tục sử dụng.

[2.2.4] Căn cứ giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và hồ sơ quản lý đất đai lưu tại Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường X đã xác nhận

trong tổng diện tích 31,9m^2 đất gia đình ông T đang sử dụng bị thu hồi có: 30m^2 đất thể hiện trên biên bản kiểm tra về việc sử dụng đất và xây dựng sửa chữa công trình ngày 28/12/1992, người sử dụng đất đã sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh từ năm 1992 và sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất kinh doanh kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 đến nay; 1,9m^2 đất không thể hiện trên biên bản kiểm tra về việc sử dụng đất và xây dựng sửa chữa công trình ngày 28/12/1992, người sử dụng đất tự sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất, kinh doanh kết hợp để ở từ sau ngày 01/7/2004 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, ông T cũng thừa nhận không được chính quyền giao đất mà chỉ nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Ngọc Đ (là người ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã X với thời hạn 05 năm 1991-1996), không cung cấp được hồ sơ về nguồn gốc đất, mọi thủ tục liên quan đến việc xin tiếp tục sử dụng diện tích đất này sau khi ký thanh lý hợp đồng thuê đất đều do ông Đăng đứng tên. Tại Công văn số 104/CV-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân phường X về nguồn gốc thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 42 Bản đồ đo vẽ năm 1994 thể hiện từ năm 1960 đến năm 1975 không thể hiện thông tin thửa đất; năm 1987 thuộc thửa số 54 Tờ bản đồ số 7 diện tích 2602m^2, sổ mục kê thể hiện "Ruộng tứ thửa". Năm 1994 thuộc thửa số 3, Tờ bản đồ số 42 diện tích 2780m^2, sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng: Mương tưới tiêu.

[2.2.5] Thực tế, sau khi hết hợp đồng thuê đất, ngày 01/6/1996 Ủy ban nhân dân xã X đã lập biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với ông Vũ Ngọc Đ (BL243). Sau đó, từ năm 1996 đến năm 2000 ông Vũ Ngọc Đ có đơn xin phép sử dụng tạm thời đất thuê sau khi đã thanh lý hợp đồng, được Ủy ban nhân dân xã X đồng ý cho tiếp tục sử dụng với cam kết phải nộp phí theo quy định, thu dọn trả lại mặt bằng ngay khi Nhà nước sử dụng đến và giữ nguyên hiện trạng, không xây dựng cơi nới thêm, không chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp hoặc hủy hoại mặt bằng của đất (BL245-252). Tại đơn xin sửa lại nhà ngày 22/8/2000 của ông Đ cũng thể hiện xin sửa lại nhà cấp bốn trên diện tích 60m^2 đất thuê Ủy ban nhân dân xã X cho phép sử dụng tạm thời (BL31). Việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định thu hồi 31,9m^2 đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã X (nay là phường X) quản lý; ông Trần Xuân T sử dụng để thực hiện dự án mở rộng đường vành đai 3 là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông T đề nghị xác định diện tích đất 31,9m^2 đất ông nhận chuyển nhượng của ông Đ là đất ở có nhà ở được xây dựng từ năm 1991 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.6] Từ những phân tích nêu trên cho thấy do nội dung hợp đồng cho thuê đất và đơn xin phép sử dụng tạm thời diện tích đất thuê của ông Vũ Ngọc Đ đã thể hiện rõ diện tích đất thuê được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, phải nộp đầy đủ thuế kinh doanh buôn bán, đóng góp kinh phí sử dụng đất và các quy định của Nhà nước, địa phương; cam kết khi Nhà nước sử dụng đến thì phải thu dọn toàn bộ tài sản và trả lại mặt bằng (BL243, 245). Các Kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng xác định việc cho thuê đất của

Ủy ban nhân dân xã X là vi phạm pháp luật, ông T không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan đến thửa đất này (bao gồm thời điểm sau khi ông T đã nhận chuyển nhượng đất của ông Đ) như hợp đồng thuê đất, biên bản thanh lý hợp đồng, đơn xin sử dụng tạm thời và đơn xin sửa lại nhà… đều mang tên ông Đ nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì ông T không được bồi thường về đất, mà phải thu dọn toàn bộ tài sản và bàn giao diện tích đất đang sử dụng cho Nhà nước để thực hiện dự án. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của người đang sử dụng đất, Ủy ban nhân dân quận B đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chính sách hỗ trợ đất cho các trường hợp đang sử dụng đất có nguồn gốc nêu trên. Ngày 22/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận chính sách hỗ trợ đất tại mục I phần II Thông báo số 304/TB-UBND trên cơ sở đề xuất tại mục 4 phần III Tờ trình số 4773/TTrLN-STC ngày 09/8/2016 của Liên ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ban chỉ đạo GPMB thành phố, Ủy ban nhân dân quận C và Ủy ban nhân dân quận B, cụ thể như sau: "a, *Trường hợp chuyển đổi trước ngày 15/10/1993: Căn cứ mục đích sử dụng đất tại thời điểm thu hồi để xem xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí theo giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đối với diện tích đất thực tế có xây dựng nhà cửa, công trình để ở hoặc kinh doanh bị thu hồi nhưng tối đa không quá 60m^2/chủ sử dụng đất.*

b, Trường hợp chuyển đổi từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Căn cứ mục đích sử dụng đất tại thời điểm thu hồi để xem xét hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí theo giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đối với diện tích đất thực tế có xây dựng nhà cửa, công trình để ở hoặc kinh doanh bị thu hồi nhưng tối đa không quá 60m^2/chủ sử dụng đất".

[2.2.7] Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân phường X đối với ông Trần Xuân T, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và các chính sách đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất do ông T sử dụng để thực hiện dự án mở rộng đường vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) trên địa bàn quận B, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ đất: Theo quy định của pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thì: Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Do diện tích đất thu hồi tại dự án không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai

năm 2013 nên không được tính hỗ trợ đất theo giá đất cụ thể của dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/7/2016. Trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Xuân Đỉnh về thời điểm sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất kinh doanh kết hợp ở trước ngày 15/10/1993, Ủy ban nhân dân quận B tính hỗ trợ 30% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vị trí 1 đường P theo quy định tại Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đối với diện tích 30m^2 đất do hộ ông T sử dụng. Đối với phương án hỗ trợ công trình xây dựng trên đất và bồi thường chi phí di chuyển tài sản trong phạm vi thành phố Hà Nội được Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt đúng với quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

[2.2.8] Đối với kháng cáo của ông T cho rằng tại thời điểm thu hồi đất gia đình ông có 09 nhân khẩu, nhưng chỉ được hỗ trợ ổn định đời sống đối với 07 nhân khẩu thấy: Tại Giấy xác nhận về nhân khẩu, hộ khẩu phục vụ công tác thu hồi đất ngày 28/10/2016 của Công an phường X thể hiện tại địa chỉ thu hồi đất có 01 hộ với 07 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống, ông T cũng ký xác nhận đầy đủ nhân khẩu tại giấy xác nhận này (BL147). Thực tế, trước khi ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận B đã có Thông báo số 54/TB-HĐBTTH&TĐC ngày 31/3/2018 về việc niêm yết công khai lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân khi thu hồi đất thực hiện dự án trong thời gian 20 ngày (BL198,199), nhưng ông T cũng chỉ có ý kiến yêu cầu đền bù theo giá đất ở của thành phố và bồi thường tài sản 100% nhà xây dựng, không đề nghị bổ sung thêm nhân khẩu còn thiếu (BL190). Do đó, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.2.9] Đối với yêu cầu về chính sách tái định cư: Do diện tích 31,9m^2 đất của gia đình ông T đang sử dụng bị thu hồi là diện tích đất Ủy ban nhân dân xã X cho thuê trái pháp luật, đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị yêu cầu thu hồi nên không đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật, mà chỉ được xem xét hỗ trợ căn cứ vào từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của người có đất bị thu hồi khi tiến hành thu hồi đất. Trên cơ sở kết quả họp liên ngành và các văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có nội dung thể hiện: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở, diện tích đất thu hồi được hỗ trợ về giá đất theo giá đất ở theo chính sách đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận tại Thông báo số 304/TB-UBND ngày 22/8/2016, nếu không có chỗ ở nào khác trên địa bàn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường

trú, có nhu cầu mua nhà tái định cư thì được xem xét bán nhà tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận tại khoản 4 mục II Thông báo số 406/TB-VP ngày 28/12/2018. Do đó, việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất chưa bao gồm phương án bán căn hộ tái định cư khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng (do phải tiến hành các thủ tục xác minh các nội dung liên quan đến chỗ ở khác của người sử dụng đất trên địa bàn có đất bị thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú) là phù hợp.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy Ủy ban nhân dân quận B đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục, trình tự thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị hủy Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất; Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân T.

[4] Về án phí: Do ông T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2019/HC-ST ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng Điều 30, khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71; Điều 74; Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

1- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T về yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long) tại phường X, quận B, Hà Nội;

- Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

- Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3- Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Xuân T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh